

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Điểm bài thi
1	010801	LÊ HOÀNG PHƯƠNG ANH	24/10/2011	8A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Giáo dục công dân	12.50
2	010802	LÊ HUYỀN ANH	09/02/2010	9A2	THCS Thành Công	Ba Đình	Giáo dục công dân	15.00
3	010803	NGÔ TRÂM ANH	19/08/2011	8A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Giáo dục công dân	15.75
4	010804	NGUYỄN NGỌC MINH ANH	15/03/2010	9A1	THCS Ba Đình	Ba Đình	Giáo dục công dân	14.00
5	010805	NGUYỄN TRÂM ANH	25/02/2010	9A2	THCS Thành Công	Ba Đình	Giáo dục công dân	15.50
6	010806	PHÙNG CHÂU ANH	26/04/2011	8A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Giáo dục công dân	12.25
7	010807	NGUYỄN BẢO CHÂU	08/10/2010	9A2	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Giáo dục công dân	14.75
8	010808	TRẦN MINH KHUÊ	22/12/2011	8A1	THCS Thành Công	Ba Đình	Giáo dục công dân	16.00
9	010809	NGUYỄN LƯU KHÁNH LINH	15/05/2010	9A2	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Giáo dục công dân	13.50
10	010810	LÊ HẢI PHƯƠNG	09/09/2011	8A11	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Giáo dục công dân	12.75
11	010401	NGUYỄN MINH HÀ AN	18/10/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	15.00
12	010402	NGUYỄN HUY ANH	26/03/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	18.00
13	010403	PHAN VŨ ĐĂNG KHOA	12/10/2010	9A2	THCS Thăng Long	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	15.25
14	010404	NGUYỄN DUY BÌNH MINH	04/06/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	19.25
15	010405	TRẦN LÊ MINH	09/02/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	17.50
16	010406	HOÀNG ĐĂNG NGUYỄN	25/07/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	17.00
17	010407	HOÀNG MINH NGUYỄN	26/06/2010	9A6	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	13.50
18	010408	NGUYỄN KHỐI NGUYỄN	26/07/2010	9A7	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	18.00
19	010409	VŨ HỒNG PHÚC	10/03/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	19.25
20	010410	NGUYỄN CHÍ MINH VŨ	13/12/2011	8A4	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Chất và biến đổi chất)	18.00
21	010301	TRẦN DUY ANH	28/02/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	17.00
22	010302	LÊ GIA HIỀN	04/03/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	11.50
23	010303	NGUYỄN NGỌC HÀ LINH	02/05/2011	8A7	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	11.75
24	010304	NGUYỄN CÔNG LĨNH	29/03/2010	9A1	THCS Nguyễn Tri Phương	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	15.25
25	010305	NGUYỄN VĂN BẢO LONG	28/11/2010	9A7	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	14.75
26	010306	NGUYỄN TUẤN MINH	10/04/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	12.75
27	010307	TRẦN ĐỨC MINH	28/01/2010	9A3	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	13.25
28	010308	HOÀNG GIA PHÚC	08/07/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	14.75
29	010309	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	19/01/2010	9A6	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	7.25
30	010310	TRẦN SƠN QUÂN	02/08/2010	9A2	THCS Hoàng Hoa Thám	Ba Đình	KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi)	8.25
31	010501	LÊ NGỌC LINH CHI	13/01/2010	9A3	THCS Phan Chu Trinh	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	14.00
32	010502	PHẠM NGUYỄN NGÂN HÀ	21/02/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	18.00
33	010503	HOÀNG AN KHANG	14/11/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	17.50
34	010504	TRƯƠNG AN KHÁNH	07/02/2010	9D	THCS Thăng Long	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	15.00
35	010505	HOÀNG KHÁI LÂM	17/10/2010	9A6	THCS Thăng Long	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	12.75
36	010506	NGUYỄN GIA LINH	17/10/2010	9A11	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	17.00
37	010507	NGUYỄN KHÁNH LINH	15/01/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	16.50
38	010508	ĐÌNH NGUYỄN TUỆ MINH	01/08/2010	9A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	17.00
39	010509	TRẦN LAN PHƯƠNG	11/03/2010	9A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	18.50
40	010510	VŨ DIỄM QUỲNH	12/01/2010	9A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	KHTN (Mạch Vật sống)	18.00
41	010701	NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH	03/05/2010	9A0	THCS Thăng Long	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Địa lý)	8.75
42	010702	TRẦN VĂN GIANG	15/12/2010	9A10	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Địa lý)	11.75
43	010703	TỬ TUỆ LÂM	20/09/2010	9A8	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Địa lý)	10.00
44	010704	HỒ HOÀNG MINH	08/03/2010	9A1	THCS Phúc Xá	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Địa lý)	11.50
45	010705	NGUYỄN ĐỨC MINH	11/06/2010	9A2	THCS Thăng Long	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Địa lý)	9.00
46	010706	NGUYỄN VŨ QUANG MINH	02/10/2010	9A2	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Địa lý)	8.75
47	010707	ĐƯƠNG QUỐC BẢO NAM	13/07/2010	9A2	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Địa lý)	14.25
48	010708	NGUYỄN CẨM NGỌC	18/11/2010	9A10	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Địa lý)	12.75
49	010709	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	25/04/2010	9A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Địa lý)	10.50
50	010710	NGUYỄN ANH THƯ	23/02/2010	9A4	THCS Thăng Long	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Địa lý)	10.75
51	010601	ĐÌNH THÁI AN	14/03/2010	9A1	THCS Vinschool Metropolis	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Lịch sử)	11.25
52	010602	TRẦN ĐỨC ANH	12/12/2011	8A9	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Lịch sử)	13.25
53	010603	MAI THỊ THANH BÌNH	20/06/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Lịch sử)	17.00
54	010604	NGÔ KHÁNH CHI	27/07/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Lịch sử)	18.00
55	010605	NGUYỄN HỮU HOÀNG ĐẠT	09/09/2010	9A7	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Lịch sử)	10.50
56	010606	NGUYỄN DUY KHÔI	20/09/2010	9A1	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Lịch sử)	14.00

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Điểm bài thi
57	010607	NGUYỄN VŨ NGỌC LINH	01/11/2010	9A3	THCS Thành Công	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Lịch sử)	14.25
58	010608	NGUYỄN THANH MAI	07/10/2010	9A7	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Lịch sử)	13.00
59	010609	NGUYỄN NAM	20/07/2010	9A6	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Lịch sử)	12.25
60	010610	BÙI MINH QUANG	21/09/2010	9A6	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Lịch sử & Địa lý (Phần môn Lịch sử)	13.75
61	010101	DƯƠNG KIỀU ANH	28/02/2010	9A1	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	12.50
62	010102	TRỊNH PHƯƠNG ANH	25/08/2010	9A3	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	12.00
63	010103	NGUYỄN ĐĂNG HUY	27/04/2010	9A1	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	17.50
64	010104	VĂN HÀ HƯƠNG	04/09/2010	9A1	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	17.00
65	010105	ĐOÀN AN KHANH	27/12/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Ngữ văn	14.00
66	010106	NGUYỄN TUỆ LÂM	20/05/2010	9A5	THCS Thành Công	Ba Đình	Ngữ văn	11.00
67	010107	TRƯƠNG NGỌC LY	10/08/2010	9C	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Ngữ văn	10.00
68	010108	NGUYỄN QUỲNH MAI	07/09/2010	9A1	THCS Ba Đình	Ba Đình	Ngữ văn	11.00
69	010109	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	25/06/2010	9A2	THCS Thành Công	Ba Đình	Ngữ văn	10.00
70	010110	LÊ NAM PHƯƠNG	15/05/2010	9D	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Ngữ văn	15.50
71	010901	NGUYỄN MỸ ANH	09/04/2011	8A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Tiếng Anh	14.70
72	010902	PHẠM TRÍ ANH	28/03/2010	9A0	THCS Thăng Long	Ba Đình	Tiếng Anh	14.60
73	010903	TRẦN MINH ANH	22/03/2010	9A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	15.50
74	010904	TRẦN NGUYỄN BẢO ANH	14/10/2010	9A2	THCS Vinschool Metropolis	Ba Đình	Tiếng Anh	12.90
75	010905	DƯƠNG NGỌC LINH GIANG	25/08/2010	9A2	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Tiếng Anh	12.90
76	010906	VŨ KHÁNH LINH	09/02/2010	9A4	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	14.60
77	010907	NGUYỄN MINH	15/08/2010	9A2	THCS Ba Đình	Ba Đình	Tiếng Anh	15.00
78	010908	NGUYỄN HẢ MY	25/01/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Tiếng Anh	18.40
79	010909	NGUYỄN BẢO NAM	18/01/2010	9A8	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	12.30
80	010910	ĐÌNH MINH PHƯƠNG	10/02/2010	9A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Anh	13.30
81	011201	TÔN TUỆ ANH	21/01/2010	9C	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Tiếng Nhật	16.85
82	011202	PHẠM KHÁNH CHI	07/03/2010	9A2	THCS Nguyễn Công Trứ	Ba Đình	Tiếng Nhật	14.55
83	011203	KIỀU NGUYỄN ĐAN HÀ	27/04/2010	9C	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Tiếng Nhật	12.90
84	011204	LÂM BẢO HÀ	12/04/2010	9C	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Tiếng Nhật	13.95
85	011205	TRẦN MINH KHUÊ	07/04/2010	9A3	THCS Thành Công	Ba Đình	Tiếng Nhật	15.05
86	011206	VŨ GIA LINH	18/08/2009	9B	TH, THCS và THPT Thực Nghiệm KHGD	Ba Đình	Tiếng Nhật	17.30
87	011207	LÊ NGỌC HUYỀN MY	09/10/2010	9A3	THCS Thăng Long	Ba Đình	Tiếng Nhật	17.25
88	011208	NGÔ NGỌC DIỆP PHƯƠNG	31/05/2011	8A3	THCS Thăng Long	Ba Đình	Tiếng Nhật	9.25
89	011209	NGUYỄN MỸ TÂM	18/07/2010	9D	THCS Thăng Long	Ba Đình	Tiếng Nhật	15.95
90	011210	ĐỖ Ý THỦY TIÊN	11/01/2010	9A2	THCS Nguyễn Công Trứ	Ba Đình	Tiếng Nhật	11.95
91	011001	PHẠM CHỨC AN	29/01/2010	9P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	11.50
92	011002	NGUYỄN MINH ĐỨC	26/02/2011	8P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	12.20
93	011003	ĐỖ HƯƠNG GIANG	18/02/2011	8P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	15.80
94	011004	TRẦN HOÀNG KHANH	20/10/2010	9P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	9.80
95	011005	HOÀNG CHI DIỆU LINH	14/03/2010	9P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	13.80
96	011006	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	04/03/2010	9P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	13.70
97	011007	NGUYỄN PHƯƠNG NGUYÊN	01/11/2011	8P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	17.40
98	011008	NGUYỄN MINH TUẤN	01/09/2010	9P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	11.80
99	011009	NGUYỄN ĐỖ TƯỜNG VÂN	08/03/2011	8P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	10.70
100	011010	NGUYỄN THANH VÂN	31/01/2011	8P	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tiếng Pháp	9.70
101	011301	PHẠM HUY AN	29/01/2010	9A3	THCS Thăng Long	Ba Đình	Tin học	5.00
102	011302	ĐỖ DUY ANH	22/05/2010	9A2	THCS Thăng Long	Ba Đình	Tin học	0.00
103	011303	NGUYỄN VIỆT BÁCH	18/10/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tin học	12.50
104	011304	NGUYỄN THÀNH HÙNG	08/01/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tin học	4.00
105	011305	PHẠM MINH KHÔI	10/04/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Tin học	13.50
106	011306	ĐÌNH LÊ MINH	20/06/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tin học	16.10
107	011307	TRỊNH QUANG MINH	20/10/2010	9A1	THCS Phan Chu Trinh	Ba Đình	Tin học	0.00
108	011308	NGUYỄN THIÊN PHÚC	24/06/2010	9A3	THCS Mạc Đĩnh Chi	Ba Đình	Tin học	4.00
109	011309	TRIỆU BÌNH SƠN	27/10/2010	9A8	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Tin học	10.00
110	011310	TRẦN ĐỨC PHÚC THIÊN	02/11/2010	9A1	THCS Phan Chu Trinh	Ba Đình	Tin học	0.00
111	010201	NGUYỄN NHƯ HOÀNG BÁCH	04/05/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Toán	14.00
112	010202	PHẠM ANH DŨNG	01/03/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Toán	18.50
113	010203	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	30/12/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Toán	10.00
114	010204	NGUYỄN MINH KHANG	13/09/2010	9A9	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Toán	11.25
115	010205	PHẠM GIA KHIÊM	26/10/2010	9A1	THCS Giảng Võ 2	Ba Đình	Toán	14.50

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Môn thi	Điểm bài thi
116	010206	PHẠM VÕ NHẬT MINH	28/04/2010	9A2	THCS Nguyễn Công Trứ	Ba Đình	Toán	12.50
117	010207	TRẦN THỂ PHÚC	06/11/2010	9A1	THCS Hoàng Hoa Thám	Ba Đình	Toán	11.50
118	010208	HOÀNG ANH QUÂN	20/04/2010	9A1	THCS Hoàng Hoa Thám	Ba Đình	Toán	11.75
119	010209	VŨ ĐÌNH MINH TÂN	25/08/2011	8A2	THCS Giảng Võ	Ba Đình	Toán	12.75
120	010210	LƯU CÔNG THÀNH	28/02/2010	9A5	THCS Thành Công	Ba Đình	Toán	12.75

NGƯỜI LẬP BẢNG



Lê Minh Phong



Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2025

TRƯỞNG BAN CHẤM THI

PHÓ GIÁM ĐỐC: Vương Hương Giang